

THÁI ĐỘ CỦA MỸ VÀ ANH TRONG VIỆC ĐƯA PHÁP TRỞ LẠI ĐÔNG DƯƠNG NĂM 1945

Huỳnh Tâm Sáng (*)

Sau khi phát xít Đức ký văn bản đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện vào ngày 9-5-1945, chiến tranh chấm dứt ở châu Âu. Hội nghị Thượng đỉnh Potsdam (Đức) khai mạc hai tháng sau đó (17-7-1945) với đại diện của 3 cường quốc Mỹ, Anh và Liên Xô đã bàn về vấn đề hậu Chiến tranh thế giới thứ hai. Đặc biệt, tối hậu thư Potsdam cũng có nội dung bàn về chiến tranh Đông Dương. Theo thỏa thuận giữa các nước lớn trong khối tư bản chủ nghĩa, khu vực Đông Dương thuộc Pháp sau khi giải giáp quân Nhật thì quân đội Anh sẽ trú đóng và đảm nhận nhiệm vụ quản lý ở phía Nam vĩ tuyến 16 như là một phần nghĩa vụ của quân đồng minh¹. Trong khi đó, quân Tưởng sẽ vào miền Bắc Đông Dương thực hiện nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Tối hậu thư Potsdam bàn về vấn đề Đông Dương đã cho thấy tương lai chính trị Việt Nam được quyết định trực tiếp bởi các nước thắng trận sau Chiến tranh thế giới thứ hai mà không có đại diện của phía Việt Nam.

Những chuyển biến về quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai cũng tác động mạnh mẽ đến các quốc gia trên thế giới. Trong đó, Đông Dương là một bộ phận của thế giới nên không thể nằm ngoài phạm vi của những tác động này. Đồng thời, những biến động lớn lao diễn ra ở Đông Dương thời kỳ trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai khiến cho các thế lực đế quốc và phản động phải chú tâm đối phó². Trong tổng thể vị thế của Đông Nam Á³, tầm quan trọng của Đông Dương càng khiến các nước lớn quan tâm. Xét về vị thế địa chính trị, Đông Dương là điểm nóng bởi với vai trò là cửa ngõ giúp các quốc gia bên ngoài hội nhập với Đông Nam Á. Nếu trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Đông Dương là địa bàn thu hút sự quan tâm và dính líu của hầu hết các nước lớn bởi “vị trí chiến lược ở sườn phía nam của Trung Quốc, tiếp giáp với Biển Đông có một số đường biển xung yếu và là một trong các cửa ngõ của Đông Nam Á”⁴ thì sau Chiến tranh thế giới thứ hai Đông Dương càng chứng tỏ tầm quan trọng về địa chiến lược và trở thành điểm hội tụ lợi ích và các chiều kích chiến lược (strategic dimensions) của các cường quốc.

(*) Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Thủ Dầu Một. ĐT: 0974433209; Email: huynhtamsang@gmail.com

¹ Andrew Wiest (2006), *Rolling Thunder in a Gentle Land: The Vietnam War Revisited*, United Kingdom: Osprey Publishing, p. 36.

² Hồ Khang (chủ biên) (2001), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Tập 1: Chuẩn bị toàn quốc kháng chiến, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr. 39.

³ Về phương diện địa chính trị, tầm quan trọng của Đông Nam Á được nhìn nhận dựa vào vị trí của Đông Nam Á như là một rào chắn trên đất liền và biển cả. James A. Tyner (2007), *America's Strategy in Southeast Asia: From Cold War to Terror War*, Rowman & Littlefield Publishers, p. 8.

⁴ Nguyễn Đình Bin (chủ biên) (2011), *Ngoại giao Việt Nam (1945 – 2000)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 12.

Trong tầm nhìn của thực dân Pháp, Đông Dương “là bộ phận giàu có nhất, đẹp đẽ nhất và đông dân nhất, là một trong những thứ quý hơn hết của đế quốc thực dân Pháp... Lúa gạo Đông Dương, trà, hạt tiêu, cao su, than mỡ Bắc Kỳ, tất cả đã đóng góp cho sức mạnh, cho sự bền vững kinh tế, cho sự tự túc của đế quốc có 100 triệu người. Nhờ ở tất cả những điều đó mà nước Pháp có một bao lon hướng ra Thái Bình Dương”⁵. Trong một bản Tuyên bố vào ngày 24-3-1945 (mà Philippe Devillers đã phê phán rằng “lỗi thời về mặt chính trị”⁶) thì cùng với tham vọng xác định một thể chế cho Đông Dương với tên gọi “Liên bang đông Dương” (*Fédération Indochinoise*) thì De Gaulle nhấn mạnh rằng Đông Dương giữ “địa vị đặc biệt” trong tổ chức cộng đồng Pháp. Đặc biệt, với sự “bật đèn xanh” của Mỹ và sự ủng hộ tích cực của Anh, Pháp ngày càng củng cố quyết tâm tái chiếm Đông Dương. Trong chặng đường Pháp tiến hành tái chiếm Đông Dương, quan hệ tam giác Mỹ - Anh - Pháp đã có nhiều chuyển biến với tính chất khá phức tạp bởi sự chi phối đáng kể của những toan tính chiến lược, tham vọng quyền lực và tư duy mang nặng ý thức hệ. Tất cả đã làm nên một giai đoạn lịch sử đầy biến động. Với ý nghĩa đó, góc nhìn quan hệ quốc tế sẽ góp phần mang lại những kiến giải tường minh hơn trên cơ sở đặt các mối quan hệ giữa các cường quốc trong sự vận động của khu vực và thế giới.

1. Quan điểm và chính sách của Anh

Sau khi Nhật Bản chính thức tuyên bố đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (15-8-1945), với Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào ngày 2-9-1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thành lập. Cũng trong ngày 2-9, Đại tướng Douglas MacArthur - Tư lệnh tối cao của Mỹ tại Thái Bình Dương nhận được thông báo đầu hàng chính thức của Nhật và các cuộc bạo động chống lại người Pháp đã bùng nổ ở Việt Nam. Có thể nói, việc thiếu hẳn một giải pháp rõ ràng cho vấn đề Đông Dương đã tạo điều kiện để Pháp tích cực vận động sự ủng hộ và giúp sức của Anh và Trung Hoa dân Quốc nhằm tái chiếm Đông Dương. Đây có thể được xem như là nước cờ thăm dò thái độ và phản ứng của các nước trước khi Pháp ráo riết đẩy mạnh nỗ lực quay trở lại Đông Dương. Những hành động thăm dò và tranh thủ sự ủng hộ của Pháp là cơ sở quan trọng để Pháp vững tin vào sự đồng thuận của các nước trong việc Pháp trở lại Đông Dương.

Vào ngày 6-9-1945, toán lính đầu tiên thuộc phái bộ quân sự Anh đã đến đóng ở Sài Gòn để giải giáp quân đội Nhật⁷. Mặc dù danh nghĩa là giải giáp quân Nhật nhưng hành động của Anh thực chất là giúp quân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Thiếu tá Archimedes L.A. Patti, đại diện phái bộ Đồng minh ở Hà Nội, đã nhận xét “tại miền Nam, quân Anh lo đập tan chính quyền của Việt Minh và dọn đường cho Pháp tái chiếm [Việt Nam] hơn là theo đuổi sứ mệnh đã được tuyên bố”⁸. Thậm chí, quân Anh đã trang bị vũ khí cho quân Nhật để chúng sử dụng nhằm tiếp sức cho Pháp.

⁵ Philippe Devillers (1988), *Paris - Saigon - Hanoi*, Paris: Gallimard/ Julliard, p. 18.

⁶ Philippe Devillers (1952), *Histoire Du Viet-Nam de 1940 à 1952*, Editions du Seuil, Paris, p. 145.

⁷ P.M. Dunn (1985), *The First Vietnam War*, London: Hurst, pp. 123, 136.

⁸ Archimedes L A Patti (1982), *Why Viet Nam?: Prelude To America's Albatross*, Berkeley: University of California Press, p. 297.

Có thể nói, những tiền đề dẫn đến việc Anh mở đường cho Pháp tái chiếm Việt Nam phản ánh những toan tính chiến lược và mối quan hệ phức tạp của các cường quốc sau Chiến tranh thế giới lần hai (chủ yếu là Mỹ, Anh và Pháp). Việc Anh hỗ trợ cho Pháp trong nỗ lực chiếm ưu thế chiến lược tại Nam Bộ nhằm tiến đến chiếm toàn bộ Đông Dương là hệ quả của hàng loạt những toan tính chính trị trước đó. Việc Anh hỗ trợ Pháp, trên thực tế, biểu hiện sự thoái lui nghiêm trọng về vai trò của Anh sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đặc biệt là việc phục hồi các vùng lãnh thổ trong suốt chiến tranh. Và càng trầm trọng hơn khi uy tín và quyền lực của Anh đã suy giảm phần lớn là do các nguồn lực tài chính bị tổn thương nghiêm trọng⁹.

Sự sụt giảm vai trò của Anh và sự vươn lên mạnh mẽ của Mỹ đã buộc Anh chuyển từ vị thế bình đẳng tự chủ sang phụ thuộc vào sự bảo trợ từ quyền lực của Mỹ. Cụ thể là quan điểm và cách tiếp cận của Anh đối với vấn đề Đông Dương hay quan hệ Anh - Pháp đều có sự chi phối đáng kể với Mỹ. Hay nói cách khác, Anh trở thành “người quan sát” và ứng xử với Pháp theo cách “được lòng” người Mỹ. Bởi lẽ, khi dựa vào Mỹ thì Anh vừa nhằm phục vụ cho lợi ích thực dân của riêng mình, vừa bảo vệ quyền lợi và duy trì sức mạnh đối phó với các lực lượng dân chủ, giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên thế giới¹⁰. Quan hệ gắn kết giữa Mỹ và Anh đã được thể hiện rõ trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai và Anh trở thành đối tác chủ đạo trong liên minh với Mỹ. Hơn nữa, quan hệ tốt đẹp từ cấp độ cá nhân giữa Tổng thống Mỹ Roosevelt và Thủ tướng Anh Churchill đã tạo điều kiện để quan hệ hai nước tiếp tục gắn bó sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc¹¹.

Từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Anh đứng trước thử thách vừa phải bảo vệ lợi ích quốc gia vừa phải thích nghi với những điều chỉnh chiến lược trước những tình huống khó lường. Bản chất đa diện từ chính sách của Anh nhìn chung chịu sự chi phối của ba vấn đề cơ bản: *một là*, quan hệ đầy tính thăng trầm của quan hệ Mỹ - Anh; *hai là*, sự suy giảm vai trò của Anh; *ba là*, các cuộc tranh luận trong nội bộ Anh về chính sách với Đông Nam Á¹². Trong các vấn đề nổi bật trên, quan hệ Mỹ - Anh là điểm chủ đạo cần phải nhận thức rõ. Đó là, mặc dù quan hệ Mỹ - Anh nhìn chung là khá tốt đẹp nhưng Mỹ đã có những toan tính chính trị mang tầm chiến lược nhằm bước đầu định hình nên một trật tự thế giới sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Bắt đầu từ giữa cuộc chiến, Điều khoản số VII trong “Hiệp định sơ bộ giữa Hoa Kỳ và Vương quốc Anh” (ký ngày 23-2-1942) liên quan đến việc viện trợ theo hình thức “lend – lease” (cho vay - cho thuê) đã giới hạn quyền lực của Anh thông qua “xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế, giảm thuế quan và các rào cản thương mại khác nhằm đạt được tất cả

⁹ Harold L. Cole, “The Great U.K. Depression: A Puzzle and Possible Resolution”, *Review of Economic Dynamics*, January 2002, pp. 19-44.

¹⁰ Hồ Khang (chủ biên) (2001), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Tập 1: Chuẩn bị toàn quốc kháng chiến, Sđd, tr. 17.

¹¹ Mặc dù hai quốc gia có những điểm khác biệt trong nhiều mục tiêu chính sách trong và ngoài nước, Mỹ và Anh đều có khả năng cân nhắc dẫn đến một cuộc chiến tranh để bảo vệ quyền tự do và tăng cường mức độ gắn kết dựa trên niềm tin – một cơ sở quan trọng đã đưa hai nước từ bờ vực của sự thất bại vào năm 1940 đến chiến thắng trong năm 1945. Rebekah Brown, “A History of the Anglo-American Special Relationship”, *Ashbrook Statesmanship Thesis*, Recipient of the 2012 Charles E. Parton Award, p. 8.

¹² T. O. Smith (2011), *Churchill, America and Vietnam, 1941–45*, Palgrave Macmillan, pp. 1-5.

các mục tiêu kinh tế đặt ra trong Tuyên bố chung ngày 14-8-1941, được ký bởi Tổng thống Hoa Kỳ và Thủ tướng Vương quốc Anh”¹³. Điều khoản này đã giới hạn khả năng của Anh trong việc tiếp cận các nguồn lực mà Anh đã dày công xây dựng thông qua hệ thống thương mại từ chính quốc tới các thuộc địa. Bằng cách này, Mỹ đảm bảo khả năng Anh phụ thuộc vào Mỹ để đảm bảo những lợi ích chiến lược. Tuy nhiên, trong vấn đề giải giáp quân Nhật và hỗ trợ Pháp trở lại Đông Dương thì Anh cũng có những tính toán riêng. Đó là nhằm ngăn chặn các phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và dân chủ của nhân dân các nước thuộc địa của Anh ở Đông Nam Á¹⁴. Suy rộng ra, nếu Pháp (với sự hỗ trợ của Anh) có thể đàn áp thành công các phong trào cách mạng thì các thuộc địa của Anh cũng sẽ suy giảm ý chí đấu tranh chống lại “chính quốc”. Bằng cách này, Anh sẽ dần thủ tiêu ý chí cách mạng của nhân dân các nước thuộc địa.

Trên thực tế, việc Anh viện trợ cho Pháp trở lại Đông Dương chịu sự tác động sâu sắc của Mỹ. Và Mỹ cũng đã viện trợ rất đáng kể về quân sự cho Pháp. Những khó khăn của Anh bao gồm vừa duy trì địa vị của Anh vừa tránh làm tổn thương quan hệ Mỹ - Anh. Đây là những thách thức to lớn và khiến Anh hầu như không linh động trong chính sách với Pháp tại miền Nam Việt Nam. Nhìn chung, mặc dù có những toan tính chính trị riêng nhưng về cơ bản Thủ tướng Anh Churchill ủng hộ quan điểm của Tổng thống Mỹ Roosevelt, mặc dù cũng có những lúc các nhà lãnh đạo hai nước chưa thật sự tìm được tiếng nói chung. Đến thời kỳ Tổng thống Truman cầm quyền, thái độ của Anh cho thấy sự đồng tình với chính sách của Mỹ tại Đông Dương.

2. Quan điểm và chính sách của Mỹ

Về hình thức, qua quyết nghị Potsdam, Pháp bị gạt ra ngoài lề trong vấn đề Đông Dương nhưng trên thực tế, quyết định để quân Anh vào giải giáp quân Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16, vô hình trung, các nước dự Hội nghị Potsdam đã gián tiếp để Pháp có điều kiện thuận lợi quay lại Đông Dương. Cơ sở này được dựa trên nhận định của Mỹ rằng Anh là quốc gia nhất quán ủng hộ việc Pháp trở lại chiếm đóng thuộc địa cũ của Pháp là Đông Dương¹⁵. Trong hồi ký của mình, nguyên Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Robert S. McNamara giải thích: “Mỹ ngấm bằng lòng cho Pháp quay trở lại Đông Dương vì sợ rằng một sự rạn nứt [trong quan hệ] Mỹ – Pháp sẽ khiến cho việc ngăn chặn sự bành trướng của Liên Xô ở châu Âu trở nên khó khăn hơn”¹⁶.

Mặc dù Anh là quốc gia hỗ trợ trực tiếp Pháp trong vấn đề tái chiếm Việt Nam, thế nhưng vai trò của Anh không thể làm nhòa đi những ảnh hưởng của Mỹ. Với vai trò là người “đạo diễn” cho một trật tự mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tầm quan trọng của Đông Dương và sự tương tác quyền lực tại đây đều được Mỹ tính toán kỹ lưỡng. Tham vọng và tầm nhìn của Mỹ được thể hiện sáng rõ qua quan hệ với Anh và Pháp.

¹³ “Preliminary Agreement Between the United States and the United Kingdom, February 23, 1942”, *Lillian Goldman Law Library*, Yale Law School, tại địa chỉ: http://avalon.law.yale.edu/20th_century/decade04.asp#art7, truy cập 11/9/2015.

¹⁴ Hồ Sỹ Khoách – Hà Minh Hồng – Võ Văn Sen (1998), *Lịch sử Việt Nam (1945 – 1975)*, Nxb. Mũi Cà Mau, tr. 7.

¹⁵ Hồ Khang (chủ biên) (2001), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Tập 1: Chuẩn bị toàn quốc kháng chiến, Sđd, tr. 47.

¹⁶ Robert S. McNamara (1995), *In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam*, New York: Times Books, p. 31.

Các tư liệu của Lầu Năm Góc tiết lộ rằng chính sách của Mỹ đối với Pháp và việc tái chiếm các thuộc địa của Pháp là mâu thuẫn. Trong giai đoạn Tổng thống Mỹ Roosevelt cầm quyền, ông đã từng có ý tưởng trao trả độc lập cho Đông Dương từ tay người Pháp dưới chế độ ủy trị quốc tế. Một mặt, Mỹ ủng hộ tuyên bố của Pháp đối với các sở hữu tài sản của Pháp ở nước ngoài. Mặt khác, trong Hiến chương Đại Tây Dương (Atlantic Charter) (14-8-1941) Mỹ tuyên bố hỗ trợ cho tự quyết và độc lập dân tộc¹⁷. Trong những tuyên bố khác, Mỹ cũng thể hiện quan điểm tương tự. Tại Hội nghị đại biểu các cường quốc Mỹ, Anh, Liên Xô và Trung Quốc họp tại Dumbarton Oaks từ tháng 8 đến tháng 10-1944 để bàn về một nền hoà bình lâu dài sau chiến tranh và một tổ chức quốc tế, “Mỹ đưa ra một đề nghị mới về cách xử lý các khu vực phụ thuộc [chưa độc lập] sau chiến tranh. Căn cứ theo đề nghị của Mỹ, chế độ ủy trị chỉ được thành lập trong ba trường hợp: (i) Các lãnh thổ lúc đó đang nằm dưới sự ủy trị của Hội quốc liên; (ii) Các lãnh thổ lấy của kẻ thù do chiến tranh; Các lãnh thổ tự nguyện đặt dưới hệ thống [ủy trị] bởi những nhà nước có trách nhiệm cai trị nó”¹⁸. Như vậy, nếu Pháp đồng ý thì Đông Dương (theo trường hợp thứ ba) sẽ được đặt dưới hệ thống uỷ trị quốc tế. Đây là điều Pháp không hề mong muốn.

Sau Hội nghị Yalta (2-1945), các nhà hoạch định Mỹ từ chối hỗ trợ hậu cần cho các lực lượng Pháp ở Đông Dương. Theo báo cáo của người đã phỏng vấn Roosevelt là Charles Taussig thì Tổng thống Roosevelt phát biểu rằng Đông Dương thuộc Pháp nên được đặt dưới một sự uỷ thác (trusteeship) hoặc ở mức tối thiểu, nếu Pháp giữ lại các thuộc địa thì phải với điều kiện là độc lập là mục tiêu cuối cùng¹⁹. Sau khi Nhật trực tiếp nắm quyền kiểm soát lần điều hành Đông Dương (9-3-1945), cách tiếp cận Đông Dương của Churchill trong việc ủng hộ người Pháp đã khiến người Mỹ không hài lòng và đẩy lên những tranh cãi. Tại thời điểm Tổng thống Roosevelt chết vì xuất huyết não (12-4-1945), chính sách của Mỹ đối với những tài sản thuộc địa của các đồng minh vẫn trong “tình trạng lộn xộn” (disarray)²⁰.

Mâu thuẫn này thực sự được giải toả khi Tổng thống Harry S. Truman kế nhiệm Roosevelt và có cách tiếp cận khá ôn hoà với Anh và Pháp. Chính sách của Mỹ đối với Pháp (dưới sự lãnh đạo của Charles de Gaulle) đã thay đổi đáng kể dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Truman. Trái với Roosevelt, Tổng thống Truman không phản đối việc trao trả Đông Dương cho đế quốc Pháp và

¹⁷ Nguyên văn điều 3 của Hiến chương Đại Tây Dương 1941 trên cơ sở đồng thuận giữa Tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt và Thủ tướng Anh Winston S. Churchill: “They respect the right of all peoples to choose the form of Government under which they will live; and they wish to see sovereign rights and self-government restored to those who have been forcibly deprived of them” [Anh Mỹ tôn trọng quyền lựa chọn được sống dưới một chính thể nào đó của các dân tộc; mong muốn thấy chủ quyền và chính phủ tự trị của các dân tộc bị quốc gia khác dùng sức mạnh tước đoạt được khôi phục lại]. “The Atlantic Charter” (14 Aug. 1941), *North Atlantic Treaty Organization*, tại địa chỉ: http://www.nato.int/cps/en/natolive/official_texts_16912.htm, truy cập 15/9/2015.

¹⁸ William J. Duiker (1994), *US Containment Policy and the Conflict in Indochina*, Stanford University Press, p. 24.

¹⁹ Franklin Roosevelt Conversation with Charles Taussig on French Rule in Indochina, March 15, 1945, from Thomas G. Paterson and Dennis Merrill (1995), *Major Problems in American Foreign Policy, Vol. II: Since 1914*, Lexington, MA: D.C. Heath and Company, p. 190.

²⁰ *Pentagon Papers: The Defense Department History of United States Decision making on Vietnam*, Beacon Press, Boston, 1971, Chapter 1 “Background to the Crisis, 1940-50”, pp. 1-52.

việc tái thiết lập quyền lãnh đạo của Pháp tại đây²¹. Ngay sau khi lên cầm quyền, chính quyền của Tổng thống Truman đã tuyên bố rõ ràng rằng “Mỹ công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương và các viên chức cao cấp phụ trách chính sách đối ngoại của Mỹ không phản đối sự phục hồi quyền lực của Pháp”²². Thậm chí, vào đầu tháng 8-1945, Chính phủ Truman còn đồng ý cung cấp cho chính quyền De Gaulle ba tàu chiến để chuyên chở quân đội Pháp tái chiếm Đông Dương²³. Với sự tư vấn của Bộ Ngoại giao Mỹ, Tổng thống Truman đã ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương vì Mỹ cần Pháp cho cuộc chiến tranh ý thức hệ nhằm ngăn cản sự “bành trướng” của Liên Xô tại châu Âu²⁴.

Trong chuyến thăm của Charles De Gaulle tại Washington vào ngày 25-8-1945, Truman khẳng định lập trường là Mỹ không chống lại việc Pháp quay trở lại Đông Dương và Truman giải thích: “Từ nay trở đi, sự chống đối giữa thế giới tự do và thế giới Xô-viết vượt lên trên mọi thứ. Vì vậy điều chủ yếu là tránh những chuyện tranh cãi giữa các nước [tư bản] với nhau và những xáo động cách mạng, để tất cả những gì không phải là cộng sản sẽ không trở thành cộng sản”²⁵. Quan điểm “chống Cộng” mạnh mẽ của Truman đã khiến vị Tổng thống Mỹ không hề do dự trong việc trực tiếp “bật đèn xanh” cho Pháp tái chiếm Đông Dương.

Vào ngày 2-9-1945, trong khi nhân dân Việt Nam hân hoan chào đón một nền độc lập với tương lai mới mẻ thì trên chiến hạm USS Missouri (BB-63) của Hải quân Mỹ đang đậu trong vịnh Tokyo (Nhật Bản), tướng Douglas MacArthur đã khuyên tướng Leclerc khi hai người cùng dự lễ ký văn kiện Nhật Bản đầu hàng: “Anh hãy mang quân sang [Việt Nam], mang thêm nhiều hơn nữa, có khả năng bao nhiêu thì mang quân sang bấy nhiêu”²⁶. Với hoạt động hỗ trợ không chỉ kinh tế mà còn là quân sự cho Pháp và “uỷ quyền” cho Anh trực tiếp giúp Pháp tại Đông Dương, Mỹ đã đóng vai trò “đạo diễn” trực tiếp cho Pháp trở lại Đông Dương. Như vậy, Mỹ mới thật sự là quốc gia đứng sau chi phối Anh và Pháp tại Đông Dương. Hay nói chính xác hơn thì, Mỹ là quốc gia khởi động cho chiến tranh Đông Dương. Vì vậy, có thể xem chiến tranh Việt Nam “đã là một cuộc chiến tranh của Mỹ hầu như ngay từ khi bắt đầu: trước hết là chiến tranh Pháp – Mỹ, cuối cùng là chiến tranh hoàn toàn Mỹ”²⁷.

Về phía Mỹ, tại sao Mỹ lại lựa chọn Anh là quốc gia đảm nhận nhiệm vụ hỗ trợ tích cực cho Pháp tại Đông Dương và trực tiếp tạo điều kiện cho Pháp trở lại Đông Dương? – Về cơ bản, trong các đồng minh của Mỹ thì Anh và Pháp là hai quốc gia có thế và lực nổi bật. Quan hệ giữa Mỹ và Anh cũng đạt nhiều thành tựu. Đặc biệt, hiện Anh là quốc gia sở hữu các thuộc địa mang

²¹ Ngày 22-6-1945 Bộ Ngoại giao Mỹ đã tuyên bố: “Nước Mỹ công nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương”. Dept of State (1967), *Foreign Relations of the United States, 1945. Vol 1, General: The United Nations*, Washington: United States Government Printing Office, p. 307.

²² George McTurnan Kahin (1986), *Intervention: How America Became Involved in Vietnam*, New York: Alfred A. Knopf, p. 4.

²³ Pham Hong Tung, “The Cold War and Vietnam, 1945-1960: how did a nationalist struggle turn into a class struggle?” in Albert Lau (2012), *Southeast Asia and the Cold War*, Routledge, p. 163.

²⁴ William J. Duiker (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, New York: Hyperion Books, pp. 340-342.

²⁵ Charles de Gaulle (1959), *Mémoires de guerre*, Paris: Plon, Tome III, p. 245.

²⁶ Philippe Devillers (1952), *Histoire Du Viet-Nam de 1940 à 1952*, Sđd, p. 150.

²⁷ Daniel Ellsberg (2003), *Secrets: A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers*, Penguin Books, p. 255.

tầm chiến lược là Malaysia, Hong Kong. Với một lịch sử thương mại lâu dài trong khu vực, Anh đã được Mỹ lựa chọn như một thế lực phương Tây hàng đầu tại Đông Nam Á cho đến khi các diễn biến sau này đã buộc Mỹ từng bước phải tham gia tích cực vào khu vực²⁸. Sự tương đồng về quan điểm càng được củng cố khi cũng giống như Mỹ, sự quan tâm của Anh đối với sự gia tăng ảnh hưởng của cộng sản trên toàn cầu và đặc biệt là ở vùng Viễn Đông càng bị thổi phồng bởi chính sách tuyên truyền và định hướng sai lệch của phía Mỹ.

Mặc dù được Anh hỗ trợ khá tích cực nhưng nhìn chung quan hệ Mỹ - Pháp vẫn là cơ sở quan trọng để Pháp thực thi chính sách đối với Đông Dương. Cũng trong cuộc hội đàm với de Gaulle vào cuối tháng 8-1945, Truman đồng ý cho Pháp vay dài hạn 650 triệu đôla²⁹. Cùng với tuyên bố chính trị thì Mỹ đã tích cực hỗ trợ kinh tế cho Pháp để giúp Pháp thuận lợi hơn trong việc tái chiếm Đông Dương. Với sự hỗ trợ của Mỹ, lời giải cho vấn đề kinh tế trước khi Pháp tiến hành chiến tranh Đông Dương đã được tháo gỡ. Đúng như nhận định của giáo sư George McTurnan Kahin, “nước Pháp sau chiến tranh [thế giới thứ hai] bị tàn phá nặng nề, không có cả trang bị quân sự lẫn nguồn tài chính, nên không thể tiến hành một nỗ lực quân sự lớn ở Đông Dương”³⁰.

Trên thực tế, chuyến thăm kéo dài 3 ngày của tướng Charles De Gaulle đến Washington (23 đến 25-8) cho thấy Charles De Gaulle đã mang những toan tính khá rõ ràng trong việc tái chiếm Đông Dương. Tất cả những gì tướng De Gaulle mong đợi chính là Mỹ chính thức tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Pháp. Và tướng De Gaulle đã đạt được mục đích sau cuộc gặp với Tổng thống Truman. Được Mỹ tích cực “bật đèn xanh”, ngày 23-8-1945, Pháp kí với Anh một hiệp ước, “theo đó Chính phủ Anh công nhận chủ quyền của Paris đối với Đông Dương”³¹. Đây là tiền đề quan trọng để một tháng sau đó Pháp đã nổ phát súng đầu tiên chính thức xâm chiếm miền Nam Việt Nam vào rạng sáng ngày 23-9-1945. Với tham vọng dùng Nam Việt Nam làm bàn đạp bình định toàn bộ Đông Dương, chính quyền De Gaulle đã hoàn toàn ảo tưởng về một tương lai chính trị hoàn toàn dễ dàng tại khu vực.

3. Kết luận

Quan hệ tam giác Mỹ - Anh – Pháp trong vấn đề Pháp tái chiếm Việt Nam (1945) có thể khái quát như sau: (i) Mỹ đóng vai trò đại diện và đứng sau bức màn nhung, và trực tiếp “bật đèn xanh” cho Anh hỗ trợ Pháp; (ii) Anh thực hiện “nhiệm vụ” theo sự phân công của Mỹ vì tính phụ thuộc trong quan hệ song phương; (iii) Pháp nhảy vào tái chiếm Đông Dương trên cơ sở có sự ủng hộ của Mỹ và giúp đỡ trực tiếp của Anh. Như vậy, quan hệ giữa ba cường quốc thực chất là vì lợi ích và những toan tính chiến lược. Quyền lợi ở các thuộc địa, trong đó có Đông Dương đã khiến Pháp – cường quốc sở hữu thuộc địa lớn thứ hai trên thế giới quyết tâm quay trở lại và tái

²⁸ David Devereaux, “Britain, SEATO and the Threat of a Regional War in Laos, 1960-63”, *The Vietnam Experience Conference*, June 13 – June 14, 2013 in Victoria, Texas (U.S.).

²⁹ Charles de Gaulle (1959), *Mémoires de guerre*, Sđd, tr. 249.

³⁰ George McTurnan Kahin (1986), *Intervention: How America Became Involved in Vietnam*, Sđd, tr. 7.

³¹ Ngô Chơn Tuệ - Phan Văn Hoàng, “Giải pháp Bảo Đại của Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam 1945-1954”, Tạp chí *Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, Số 46 – 2013, tr. 41.

thiết lập chế độ thực dân tại Đông Dương³². Tham vọng của Pháp, với ý nghĩa nhất định đã hoàn toàn nằm trong phạm vi toan tính chiến lược của Mỹ và Anh. Sự hỗ trợ của Mỹ cho Pháp đã được Pháp đón nhận nhiệt tình vì tham vọng tái chiếm Đông Dương, Anh lại phụ thuộc Mỹ về những cam kết hỗ trợ an ninh. Thực tế, Mỹ đã xem Anh là sự lựa chọn chiến lược trên cơ sở đánh giá cao vai trò của Anh và sử dụng Anh làm cầu nối để truyền tải những thông điệp đến Pháp. Như vậy, vượt lên trên Anh và Pháp là tham vọng của Mỹ nhằm tạo điều kiện cho Pháp về cơ bản hoàn thành công cuộc bình định Đông Dương. Sau đó, người Mỹ sẽ nhảy vào cuộc. Tuy nhiên, trước những thất bại và sự yếu kém của Pháp (đỉnh điểm là sự thất bại của Pháp tại chiến trường Điện Biên Phủ vào năm 1954), Mỹ đã trực tiếp nhảy vào tham gia chiến tranh Đông Dương.

Vấn đề cần nhìn nhận đầy đủ là mặc dù quan hệ tam cường Mỹ - Anh - Pháp trong vấn đề Pháp trở lại xâm chiếm Đông Dương dựa trên những nhận thức địa chiến lược và tham vọng của các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhưng cả ba cường quốc đều chưa đánh giá đúng mức tình hình Đông Dương. Trước những biến chuyển có ý nghĩa toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân các nước Đông Dương đã nhạy bén với những tham vọng xâm chiếm của các nước thực dân mới; cùng với đó là quyết tâm và nhận thức đầy đủ hơn về vị thế của các nước Đông Dương trong việc giành độc lập và duy trì, củng cố nền độc lập dân tộc. Nhân dân Đông Dương đã cởi mở với những tư tưởng tiến bộ và nhận thức sâu sắc hơn vai trò và nhiệm vụ lịch sử: đó là, tương lai và số phận của Đông Dương phải được quyết định trực tiếp bởi nhân dân Đông Dương. Sự can thiệp và toan tính xác định một thể chế cho Đông Dương mà đi ngược lại khát vọng tự do của nhân dân Đông Dương tất yếu sẽ dẫn đến sự phản kháng mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Wiest (2006), *Rolling Thunder in a Gentle Land: The Vietnam War Revisited*, United Kingdom: Osprey Publishing.
2. Albert Lau (2012), *Southeast Asia and the Cold War*, Routledge.
3. Daniel Ellsberg (2003), *Secrets: A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers*, Penguin Books.
4. F.S.V. Donnison (1956), *British Military Administration in the Far East 1943-1946*, London: HMSO.
5. George C. Herring (1979), *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, New York: Alfred A. Knopf.
6. George McTurnan Kahin (1986), *Intervention: How America Became Involved in Vietnam*, New York: Alfred A. Knopf.

³² Nguyễn Đăng Khoa, Quan điểm và chính sách của Mỹ đối với sự xâm lược và can thiệp của Pháp tại Việt Nam (1945-1954)", Tạp chí *Khoa học* Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, Số 66 – 2015, tr. 70.

7. Hồ Khang (chủ biên) (2001), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Tập 1: Chuẩn bị toàn quốc kháng chiến, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
8. James A. Tyner (2007), *America's Strategy in Southeast Asia: From Cold War to Terror War*, Rowman & Littlefield Publishers.
9. Nguyễn Đình Bin (chủ biên) (2011), *Ngoại giao Việt Nam (1945 – 2000)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Nicholas Tarling (1998), *Britain, Southeast Asia and the Onset of the Cold War, 1945-1950*, Cambridge University Press.
11. Philippe Devillers (1952), *Histoire Du Viet-Nam de 1940 à 1952*, Editions du Seuil, Paris.
12. Thomas G. Paterson and Dennis Merrill (1995), *Major Problems in American Foreign Policy, Vol. II: Since 1914*, Lexington, MA: D.C. Heath and Company.
13. T. O. Smith (2011), *Churchill, America and Vietnam, 1941–45*, Palgrave Macmillan.
14. William J. Duiker (1994), *US Containment Policy and the Conflict in Indochina*, Stanford University Press.